A. Hoạt động thực hành bài 111 Toán lớp 4 VNEN

Câu 1: Trang 118 toán VNEN 4 tập 2

a. Thỏ và Rùa cùng nhau thi chạy. Mỗi bước chạy của thỏ được 1/5m, mỗi bước chạy của rùa bằng 1/20 bước chạy của Thỏ. Đố em nếu quãng đường thi chạy là 100m thì thỏ phải chạy bao nhiêu bước và Rùa phải chạy bao nhiêu bước?

b. Em hãy nêu nhanh số thích hợp vào chỗ chấm:

1 tạ = ... kg

1 tấn = ... kg

1 tạ = ... yến

1 yến = ... kg

1 tấn = ... tạ

1 tấn = ... yến

a. Bài giải:

Mỗi bước đi của Rùa dài:

$\frac{1}{5} \times \frac{1}{20} = \frac{1}{100}$ (m)

Số bước của Thỏ là:

$100 : \frac{1}{5} = 500$ (bước)

Số bước của Rùa là:

$100 : \frac{1}{100} = 10\,000$ (bước)

Đáp số: Thỏ 500 bước

Rùa 10000 bước

b. Điền vào chỗ trống:

1 tạ = 100 kg

1 tấn = 1000 kg

1 tạ = 10 yến

1 yến = 10 kg

1 tấn = 10 tạ

1 tấn = 100 yến

Câu 2: Trang 119 toán VNEN 4 tập 2

a. Đọc các số: 975 368; 6 020 975; 94 351 708; 80 606 090

b. Trong mỗi số trên, chữ số 9 ở hàng nào, có giá trị là bao nhiêu?

c. Viết các số:

Ba trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi bảy

Mười sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn bốn trăm sáu mươi tư

Một trăm linh năm triệu không trăm bảy mươi hai nghìn không trăm linh chín.

Đáp án

a. Đọc số:

· 975 368: Chín trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi tám

· 6 020 975: Sáu triệu không trăm hai mươi nghìn chín trăm bảy mươi lăm

· 94 351 708: Chín mươi bốn triệu ba trăm năm mươi mốt nghìn bảy trăm linh tám

· 80 606 090: Tám mươi triệu sáu trăm linh sáu nghìn không trăm chín mươi.

b.

· 975 368 -> số 9 hàng trăm nghìn

· 6 020 975 -> Số 9 hàng nghìn

· 94 351 708 -> Số 9 hàng chục triệu

· 80 606 090 -> Số 9 hàng chục

c.

· Ba trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi bảy => 365 847

· Mười sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn bốn trăm sáu mươi tư => 16 530 464

· Một trăm linh năm triệu không trăm bảy mươi hai nghìn không trăm linh chín => 105 072 009

Câu 3: Trang 119 toán VNEN 4 tập 2

Tính:

a. 86204 - 35246; 197148 : 84; 101598 : 287

b.

$\frac{9}{20} - \frac{8}{15} \times \frac{5}{12}$

$\frac{2}{3} : \frac{4}{5} : \frac{7}{12}$

$\frac{4}{9} + \frac{11}{8} - \frac{5}{6}$

Đáp án

a.

$$\begin{array}{r} 86204 \\ - \\ 35246 \\ \hline 50958 \end{array} \qquad \begin{array}{r|l} 197148 & 84 \\ 291 & \hline \\ 394 & 2347 \\ 588 & \\ 0 & \end{array} \qquad \begin{array}{r|l} 101598 & 287 \\ 1549 & \hline \\ 1148 & 354 \\ 0 & \end{array}$$

b.

$$\frac{9}{20} - \frac{8}{15} \times \frac{5}{12} = \frac{9}{20} - \frac{40}{180} = \frac{81}{180} - \frac{40}{180} = \frac{41}{180}$$

$$\frac{2}{3} : \frac{4}{5} : \frac{7}{12} = \frac{2}{3} \times \frac{5}{4} \times \frac{12}{7} = \frac{120}{84} = \frac{20}{14}$$

$$\frac{4}{9} + \frac{11}{8} - \frac{5}{6} = \frac{32}{72} + \frac{99}{72} - \frac{60}{72} = \frac{51}{72} = \frac{17}{24}$$

Câu 4: Trang 119 toán VNEN 4 tập 2

Điền dấu < = >:

$\frac{5}{7} \cdots\cdots \frac{7}{9}$ $\quad$ $\frac{7}{8} \cdots\cdots \frac{5}{6}$

$\frac{10}{15} \cdots\cdots \frac{16}{24}$ $\quad$ $\frac{19}{43} \cdots\cdots \frac{19}{34}$

Đáp án

$\frac{5}{7} \cdots\cdots \frac{7}{9}$ $\quad$ $\frac{7}{8} \cdots\cdots \frac{5}{6}$

$\Rightarrow \frac{45}{63} > \frac{42}{63}$ $\quad$ $\Rightarrow \frac{21}{24} > \frac{20}{24}$

$\frac{10}{15} \cdots\cdots \frac{16}{24}$ $\quad$ $\frac{19}{43} \cdots\cdots \frac{19}{34}$

$\Rightarrow \frac{240}{360} = \frac{240}{360}$ $\quad$ $\Rightarrow \frac{19}{43} < \frac{19}{34}$

Câu 5: Trang 119 toán VNEN 4 tập 2

Thay chữ a, b bằng chữ số thích hợp:

$$\begin{array}{r} ab0 \\ -\ \ ab \\ \hline 207 \end{array} \qquad \begin{array}{r} ab0 \\ +\ \ ab \\ \hline 748 \end{array}$$

Đáp án

$$\begin{array}{r} ab0 \\ -\ \ ab \\ \hline 207 \end{array} \qquad \begin{array}{r} ab0 \\ +\ \ ab \\ \hline 748 \end{array} \Rightarrow \begin{array}{r} 230 \\ -\ \ 23 \\ \hline 207 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 680 \\ +\ \ 68 \\ \hline 748 \end{array}$$

Câu 6: Trang 119 toán VNEN 4 tập 2

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

2 yến 6kg= ..... kg

5 tạ 75kg = ... kg

2/5tấn = ... kg

800kg = ... tạ

12000kg = ... tấn

40kg = ... yến

Đáp án

2 yến 6kg= 26 kg

5 tạ 75kg = 575 kg

2/5 tấn = 400 kg

800kg = 8 tạ

12000kg = 12 tấn

40kg = 4 yến

Câu 7: Trang 119 toán VNEN 4 tập 2

Bố hơn con 30 tuổi. Tuổi con bằng 1/6 tuổi bố. Tính tuổi của mỗi người.

Đáp án

Hiệu số phần bằng nhau là: 6 - 1 = 5 (phần)

Tuổi của con là: (30 : 6) x 1 = 5 (tuổi)

Tuổi của cha là: 30 + 5 = 35 (tuổi)

Đáp số: Con 5 tuổi; Cha 35 tuổi

Câu 8: Trang 119 toán VNEN 4 tập 2

Một lớp học có 35 học sinh, trong đó số học sinh trai bằng 3/4 số học sinh gái. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu học sinh gái?

Đáp án

Tổng số phần bằng nhau là: 3 + 4 = 7 (phần)

Số học sinh nam của lớp học là: (35 : 7) x 3 = 15 (học sinh)

Số học sinh nữ của lớp học là: 35 - 15 = 20 (học sinh)

Đáp số: Nam 15 học sinh; Nữ 20 học sinh

B. Hoạt động ứng dụng bài 111 Toán lớp 4 VNEN

Câu 1: Trang 120 toán VNEN 4 tập 2

Nhà bác Tâm nuôi 3 con lợn. Con thứ nhất cân nặng 5 yến, con thứ hai cân nặng 3/4 tạ, con thứ ba cân nặng 17/20 tạ. Hỏi cả 3 con lợn nhà bác Tâm cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Đáp án

Đổi:

· 5 yến = 50 kg

· 3/4 tạ = 75 kg;

· 17/20 tạ = 85 kg

Cả 3 con lợn nhà bác Tâm cân bặng số kg là:

50 + 75 + 85 = 210 (kg)

Đáp số: 210 kg